

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 1 đến trang 3 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 122/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2016. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 102/GPDC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số. 94 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 /04 /2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG



Địa chỉ: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 28) 5413 5479
Website: www.phs.vn

từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phát hành.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ông Chen Chia Ken

Số điện thoại: (+84 28) 5413 5479

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Fax: (+84 28) 5413 5472

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2016, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TCB.02.PHS.C.EU.Cash.11M
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	TCB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Loại chứng quyền:	Chứng quyền Mua
Kiểu thực hiện:	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn (kiểu Châu Âu)
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Thời hạn của chứng quyền:	11 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng quyền có bảo đảm
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến:	Trước ngày đáo hạn 02 (hai) ngày làm việc
Ngày đáo hạn dự kiến:	11 tháng kể từ ngày chào bán
Tỷ lệ chuyển đổi:	4:1 (04 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
Giá thực hiện/ khoảng giá thực hiện:	Trong biên độ +/-20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá cụ thể sẽ được thông báo trong Thông báo phát hành
Tài sản bảo đảm thanh toán:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
Giá chào bán/ khoảng giá chào bán:	Trong khoảng giá từ 1.000 (một nghìn) đồng/chứng quyền đến 1.500 (một nghìn năm trăm) đồng/chứng quyền. Giá cụ thể sẽ được thông báo trong Thông báo phát hành
Tổng số chứng quyền dự kiến chào bán:	4.000.000 (bốn triệu) chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán:	Từ 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng đến 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:

Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46 toà tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3821 9266

Fax: +84 28 3821 9267

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Không có

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền.....	1
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.....	2
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	3
4. Các rủi ro khác.....	3
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
1. Tổ chức phát hành – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.....	3
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn.....	4
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	6
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	6
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	8
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm.....	10
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	11
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	11
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	24
3. Tình hình tài chính.....	28
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	29
1. Thông tin chung về chứng quyền:.....	29
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	31
3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm.....	33
4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.....	33
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm.....	35
6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm.....	35
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm.....	37
8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm.....	38
9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.....	38
10. Hoạt động tạo lập thị trường.....	40
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	41
1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:.....	41
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền có bảo đảm.....	41
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	41
1. Quy trình quản trị rủi ro.....	41
2. Phương án phòng ngừa rủi ro.....	47
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành.....	50

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	51
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	51
XI. CAM KẾT	51
XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NGÂN HÀNG LƯU KÝ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (NẾU CÓ)	51
XIII. PHỤ LỤC	51

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết: Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP:
 - Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
 - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;
 - Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn;
 - Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay

đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cân trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.
- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của

chứng quyền sẽ sôi động.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

- Rủi ro kinh tế: sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam phụ thuộc rất nhiều yếu tố trong đó có liên quan chặt chẽ tới sự phát triển kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam phát triển sẽ là động lực khuyến khích các doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất, tìm kiếm cơ hội hợp tác đồng thời thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Điều này sẽ mang lại phản ứng tích cực đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngược lại, khi nền kinh tế chậm phát triển sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới tốc độ phát triển của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường chứng khoán, trong đó có sự phát triển của chứng quyền.
- Rủi ro chính trị: là rủi ro do những biến động của những sự kiện chính trị, những thay đổi trong luật lệ, chính sách của Chính phủ làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.
- Rủi ro luật pháp: xảy ra khi tổ chức phát hành chứng quyền và/hoặc tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong quá trình chấp hành luật pháp do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo, v.v. từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày dẫn đến việc biến động xấu về giá chứng quyền.
- Rủi ro khác: Ngoài ra, những rủi ro liên quan đến tự nhiên như lũ lụt và bão, rủi ro liên quan đến môi trường như các hoạt động kinh doanh gây ô nhiễm môi trường hay sản lượng CO2 vượt ngưỡng quy định quốc tế đều sẽ ảnh hưởng đến thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- Rủi ro về thuế: Thuế thu nhập cá nhân nhà đầu tư cần chi trả có sự khác biệt đáng kể khi lựa chọn chuyển nhượng chứng quyền trước khi đáo hạn hoặc giữ chứng quyền tới khi đáo hạn để thực hiện quyền được quy định theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm. Các trường hợp cụ thể được nêu tại phần 8, mục VI trong Bản cáo bạch này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Ông: Albert Kwang-Chin Ting

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Liew Sep Siang

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực, đầy đủ và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM

Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Giá thực hiện là mức giá được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.

Ngày đáo hạn là ngày mà người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Ngày giao dịch cuối cùng là ngày giao dịch trước hai (02) ngày so với ngày đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm và là ngày cuối cùng mã chứng quyền còn được giao dịch. Trường hợp chứng

quyền bị hủy niêm yết do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết, ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền trùng với ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế là vị thế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số lượng chứng khoán quy đổi trong trường hợp tổ chức phát hành sử dụng chứng khoán phòng ngừa rủi ro là chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền. Chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền bao gồm chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh và chứng khoán chờ về tài khoản tự doanh.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC: Báo cáo Tài chính

BTC: Bộ tài chính

BTK: Ban Thư ký

BKS: Ban kiểm soát

CMND: Chứng minh nhân dân

CPI: Chỉ số giá tiêu dùng

ĐKKD: Đăng ký kinh doanh

EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

EPS: Thu nhập trên cổ phần

FDI: Tổng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài

FED: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (hay còn gọi Ngân hàng Trung ương Hoa Kỳ)

FTSE: Tổ chức xây dựng và quản lý bộ chỉ số chứng khoán toàn cầu, thực hiện việc đánh giá, phân loại và nâng hạng thị trường chứng khoán (thông qua hệ thống chỉ số FTSE).

GDP: Tổng sản phẩm nội địa

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

KSNB: Kiểm Soát nội bộ

KTNB: Kiểm toán nội bộ

HĐQT: Hội đồng quản trị

HĐQLRR: Hội đồng quản lý rủi ro

HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

HSX/HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

IPO: Phát hành lần đầu ra công chúng

NHNN: Ngân hàng Nhà nước

P/E: chỉ số đánh giá mối quan hệ giữa giá thị trường của cổ phiếu (Price) so với thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)

PHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán

TGD: Tổng Giám Đốc

TMCP: Thương mại cổ phần

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

TSLĐ: Tài sản lưu động

TTCK: Thị trường Chứng khoán

TVLK: Thành viên lưu ký

UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

UPCoM: Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết

USD: Đồng đô la Mỹ

VND: Việt Nam đồng

VSDC: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

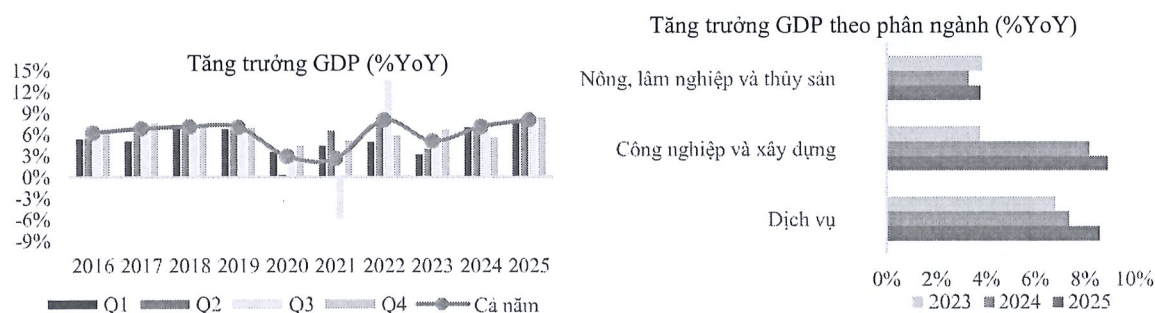
VN-Index: là một chỉ số thị trường, thể hiện các biến động về giá của các mã cổ phiếu niêm yết

YoY: Tăng trưởng qua từng năm

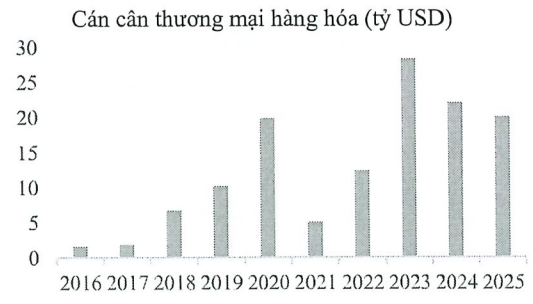
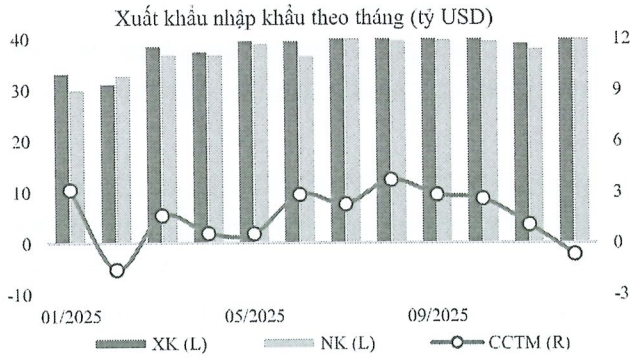
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Mặc dù có những rủi ro kinh tế – chính trị toàn cầu, tăng trưởng GDP trong năm 2025 của Việt Nam tiếp tục ghi nhận mức cao qua từng quý so với cùng kỳ năm 2024: quý 1 đạt 6.93% YoY, quý 2 đạt 7.96% YoY, quý 3 đạt 8.23% YoY và quý 4 đạt 8.46% YoY. Bình quân cả năm, GDP tăng 8.02% YoY, thuộc nhóm cao nhất khu vực châu Á. Đây là kết quả ấn tượng, phản ánh hiệu quả của các chính sách điều hành và khả năng thích ứng linh hoạt của nền kinh tế, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để hướng tới các mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong giai đoạn tới. Bên cạnh đó, lạm phát cũng tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý, tạo dư địa cho Chính phủ và Ngân hàng nhà nước (NHNN) tiếp tục thực hiện các chính sách tiền tệ hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

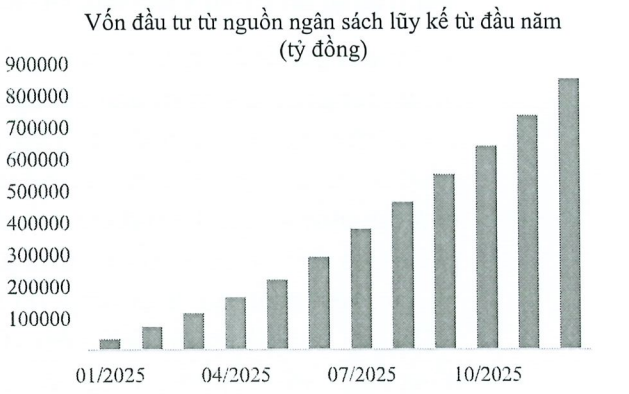
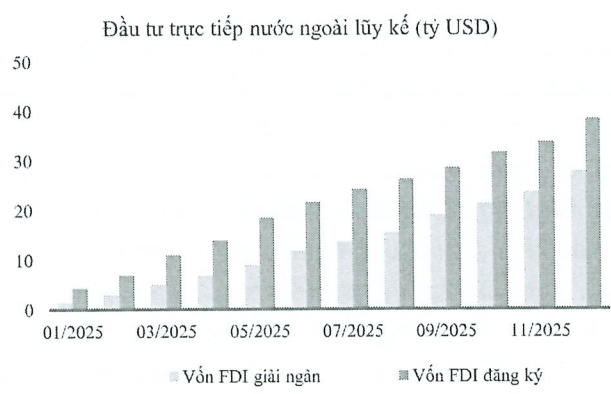


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam cũng đạt được những thành tựu nổi bật với tổng giá trị kim ngạch ghi nhận mức kỷ lục trên 80 tỷ USD/tháng. Lũy kế cả năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 xác lập kỷ lục mới, đạt khoảng 930.07 tỷ USD, tăng 18.2% so với năm 2024. Song song với những kết quả tích cực trong thương mại, Việt Nam còn mở rộng quan hệ đối ngoại khi thiết lập Đối tác chiến lược toàn diện với năm quốc gia gồm New Zealand, Indonesia, Singapore, Thái Lan và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland, qua đó nâng tổng số đối tác chiến lược toàn diện lên 14 quốc gia, góp phần củng cố vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tổng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ấn tượng, đạt hơn 38.4 tỷ USD - mức cao nhất trong vòng 5 năm qua. Mặc dù lượng vốn đăng ký mới có dấu hiệu chững lại do tác động từ những bất ổn kinh tế toàn cầu và tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư, song dòng vốn điều chỉnh tiếp ghi nhận mức tục mở rộng, đạt hơn 14.07 tỷ USD, tăng 0.8% YoY. Cùng với đó, vốn giải ngân cũng đạt mức kỷ lục hơn 27.6 tỷ USD, tăng 9.0% YoY. Diễn biến này khẳng định niềm tin của các nhà đầu tư hiện hữu đối với môi trường đầu tư tại Việt Nam, đồng thời phản ánh những cải thiện rõ rệt về chất lượng, tính bền vững và sức hấp dẫn dài hạn của nền kinh tế Việt Nam trong mắt cộng đồng quốc tế.

Đối với khu vực công, vốn đầu tư của khu vực Nhà nước từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025 ước đạt 850.7 nghìn tỷ đồng, bằng 96.8% kế hoạch năm và tăng 26.8% so với năm trước.

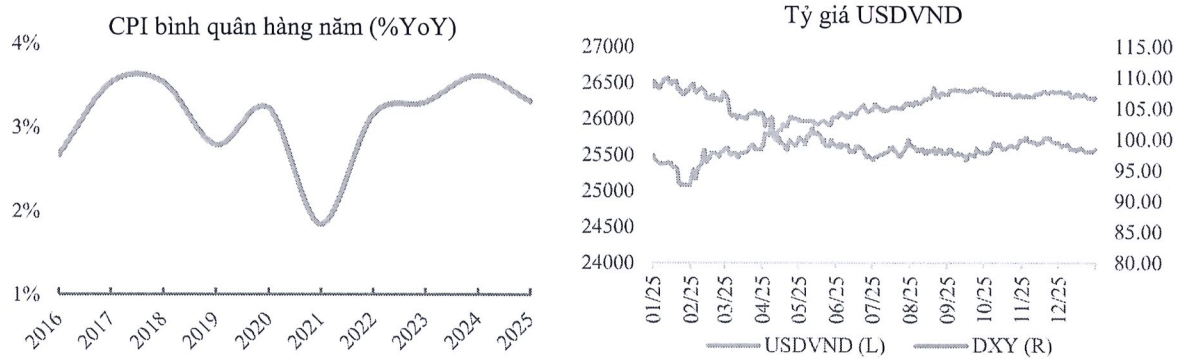


Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân năm 2025 tăng 3.3% YoY. Áp lực giá chủ yếu đến từ nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, do giá thuê nhà và chi phí vật liệu bảo dưỡng tăng, cùng với việc điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt theo hai đợt tăng của EVN vào ngày 11/10/2024 và 10/05/2025. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế cũng ghi nhận mức tăng tương ứng theo điều chỉnh của Bộ Y tế, trong khi nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống chịu ảnh hưởng bởi giá thịt lợn trong nước leo thang. Ngược

lại, giá xăng dầu giảm mạnh là yếu tố chính giúp cho lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý trong năm 2025. Điều này tạo dư địa cho Chính phủ và NHNN thực hiện các chính sách tiền tệ hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước, nhưng vẫn duy trì được lạm phát dưới mức mục tiêu Quốc hội đề ra từ đầu năm.

Áp lực tỷ giá tiếp tục là thách thức trong năm 2025 khi đồng VND chịu sức ép mất giá so với USD do chênh lệch lãi suất, dòng vốn vào thị trường trong nước còn hạn chế và những biến động mạnh mẽ trên dòng vốn quốc tế. NHNN đã phải liên tục phối hợp với Kho bạc Nhà nước để điều tiết thanh khoản cho thị trường và thực hiện nghiệp vụ bán USD kỳ hạn để giảm bớt áp lực ngắn hạn, chờ đợi các dòng vốn vào tiềm năng cũng như áp lực lãi suất USD giảm bớt khi FED giảm lãi suất.

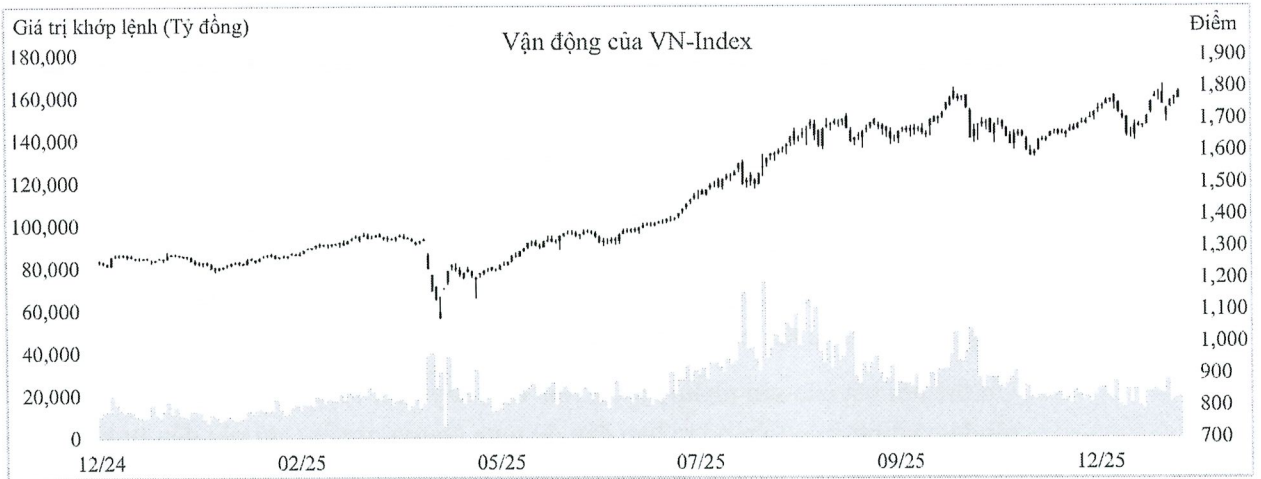


Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu đầy tham vọng khi hướng tới mức tăng trưởng trên 10% vào năm 2026 – mức cao nhất từ trước đến nay, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc duy trì đà phát triển bền vững. PHS tin rằng, việc thúc đẩy các nguồn lực trong nước, đẩy nhanh tiến độ khởi công các dự án trọng điểm quốc gia về giao thông, năng lượng, hạ tầng, cùng quá trình hoàn thiện các thị trường và định chế tài chính như Trung tâm tài chính quốc tế, sàn giao dịch tài sản số, sàn giao dịch vàng, v.v sẽ tạo nền tảng vững chắc giúp Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số không chỉ trong năm 2026 mà còn trong cả giai đoạn 2026–2030.

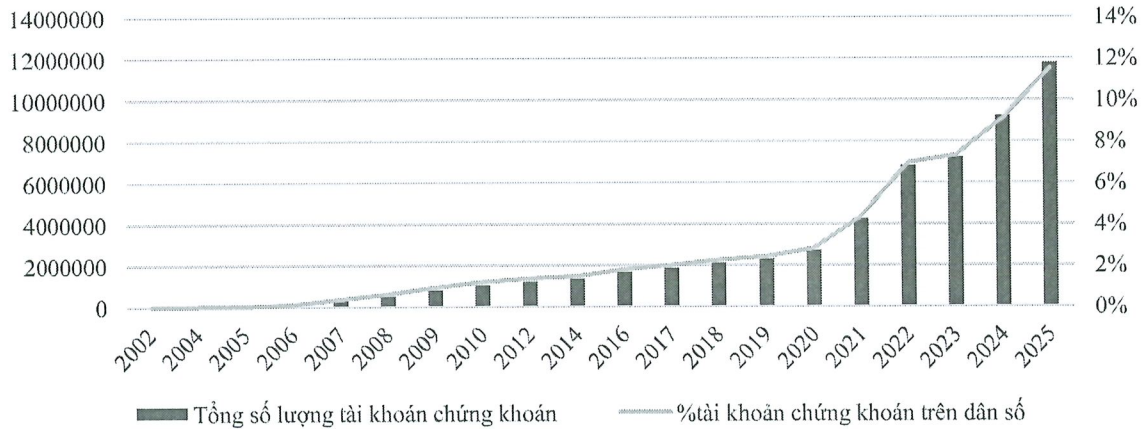
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

VN-Index giữ đà đi lên trong những tháng đầu năm, chậm lại vào tháng 3, và ghi nhận cú sụt giảm mạnh trong tháng 4 trước ảnh hưởng từ thuế quan đối ứng của Mỹ. Dầu vậy, thị trường đã nhanh chóng phục hồi và bứt phá mạnh mẽ các tháng sau đó. Chỉ số chính thức vượt vùng đỉnh lịch sử 1540 điểm, tiếp tục tiến lên các cột mốc cao mới 1600, 1700 điểm, trước khi chững lại khi gần tiếp cận mốc kỷ lục 1800 điểm. Đà tăng được hỗ trợ từ các quyết sách của Chính phủ, các biện pháp kích thích kinh tế, nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và kỳ vọng về nâng hạng thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động IPO sôi động trở lại với các thương vụ lớn như F88, TCBS, VPBankS, v.v góp phần tiếp thêm xúc tác cho thị trường. Thanh khoản cũng cải thiện đáng kể đồng thuận với xu hướng bùng nổ trong năm, ghi nhận mức kỷ lục hơn 55 nghìn tỷ đồng/ phiên trong tháng 8. Mặc dù có dấu hiệu hạ nhiệt trong giai đoạn sau, giá trị giao dịch bình quân trên 3 sàn trong năm 2025 vẫn đạt hơn 29 nghìn tỷ/phiên, cao hơn gần 40% so với mức trung bình của năm 2024. Về quy mô, vốn hóa thị trường đạt hơn 9.98 triệu tỷ đồng, tăng gần 39% so với cuối năm 2024, riêng vốn hóa HOSE đạt gần 8.3 triệu tỷ đồng.



Nguồn: FiinPro, PHS

Tổng số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán đạt gần 11.87 triệu, trong đó số tài khoản cá nhân trong nước gần 11.8 triệu tài khoản, chiếm đến 99.4%. Bên cạnh đó, tỷ lệ số tài khoản cá nhân trong nước so với tổng dân số Việt Nam cũng liên tục mở rộng và đạt hơn 11%, cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn của các nhà đầu tư cá nhân trong nước.



Nguồn: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Bên cạnh những con số tăng trưởng ấn tượng, TTCK Việt Nam cũng đối mặt với không ít thách thức trong năm 2025 như là biến động tỷ giá, chính sách tiền tệ toàn cầu và dòng vốn ngoại rút ròng mạnh mẽ. Khối ngoại đã rút ròng lên đến hơn 135 nghìn tỷ đồng trên 3 sàn trong năm 2025. Trong bối cảnh đó, chỉ số VN-Index gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận các vùng kháng cự mạnh 1800 điểm.

Bước sang năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang đến nhiều cơ hội bứt phá nhờ các yếu tố vĩ mô thuận lợi và những cải cách chiến lược. Động lực chính cho sự tăng trưởng này đến từ kinh tế vĩ mô ổn định, với mục tiêu GDP Việt Nam dự kiến tăng trưởng 10%. Bên cạnh đó, việc chính thức nâng hạng TTCK lên "thị trường mới nổi" của FTSE vào tháng 9/2026 sẽ là yếu tố quan trọng thu hút vốn ngoại. Các sản phẩm mới dự kiến ra mắt trong thời gian tới, bao gồm giao dịch T+0, bán khống, cùng các sản phẩm phái sinh mới (như hợp đồng tương lai chỉ số VN100 ra mắt năm 2025), hứa hẹn trở thành động lực mạnh mẽ cho thị trường. Tuy nhiên, thị trường cũng sẽ đối mặt với những thách thức như biến động kinh tế toàn cầu, địa chính trị, và các chính sách tiền tệ thay đổi.

PHS kỳ vọng lợi nhuận toàn thị trường có thể tăng 15-18% trong năm 2026. Qua đó, chúng tôi ước tính mức P/E dự phóng năm 2026 của VN-Index khoảng 12.5 lần, thấp hơn nhiều so với mức

trung bình 10 năm là 15.3 lần và 5 năm là 14.4 lần. Nếu so với các thị trường trong khu vực, Việt Nam vẫn nổi bật nhờ sự kết hợp hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng cao và mức định giá hợp lý, cho thấy tiềm năng tăng giá vẫn còn đáng kể.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm phái sinh, do công ty chứng khoán phát hành, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Kể từ ngày đầu tiên chính thức giao dịch vào 28/06/2019, sản phẩm chứng quyền đã gặt hái được nhiều thành công sau hơn 5 năm hoạt động, thu hút được sự quan tâm của các thành viên thị trường và nhà đầu tư.


Ưu thế nổi bật của sản phẩm này là tính đòn bẩy cao; lợi nhuận không hạn chế trong khi khoản lỗ tối đa cố định ở số tiền bỏ ra ban đầu để mua chứng quyền; chi phí đầu tư thấp; dễ dàng giao dịch và thanh toán, v.v. Ngoài ra, đây cũng là sản phẩm giúp nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận các cổ phiếu tiềm năng để kiếm được lợi nhuận mà không cần phải sở hữu cổ phiếu cơ sở do các hạn chế về giới hạn sở hữu nước ngoài.

Tuy vậy, do chứng quyền có những yếu tố rủi ro đặc thù nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm để cân nhắc lợi ích và rủi ro của sản phẩm này trước khi ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- ❖ Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
- ❖ Tên viết tắt: PHS
- ❖ Giấy phép thành lập và hoạt động:
Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.
- ❖ Giấy phép điều chỉnh 48/GPĐC-UBCK ngày 24/06/2021 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy phép điều chỉnh số 110/GPĐC-UBCK ngày 10/11/2022 ghi nhận thay đổi thông tin về hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật thứ hai của PHS. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 102/GPĐC-UBCK ngày 24/12/2024 ghi nhận thông tin tăng vốn điều lệ.
- ❖ Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 đồng
- ❖ Trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ❖ Số điện thoại: (84 28) 5413 5479
- ❖ Số fax: (84 28) 5413 5472
- ❖ Website: www.phs.vn
- ❖ Email: support@phs.vn
- ❖ Mã cổ phiếu: PHS
- ❖ Logo: 
- ❖ Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác (Kinh doanh chứng khoán phái sinh bao gồm tự doanh, môi giới và tư vấn chứng khoán, Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh) theo quy định của Bộ Tài chính. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Các cột mốc quan trọng của Công ty:

- ❖ **2006 – 2010**
 - **15/11/2006:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng
 - **01/12/2006:** UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
 - **14/12/2006:** Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP, Hồ Chí Minh
 - **18/12/2006:** Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- **29/12/2006:** Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng
- **05/09/2008:** Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng
- **10/11/2008:** Chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S, Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- **23/01/2009:** Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
- **28/04/2009:** Tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng
- **12/01/2010:** Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng
- ❖ **2012 – 2015**
 - **13/11/2012:** Tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng
 - **18/03/2014:** Trở thành thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - **19/11/2015:** UBCKNN ra Quyết định số 1129/QĐ-UBCK về việc hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành
- ❖ **2016 - 2023**
 - **20/01/2016:** Nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK. Vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng
 - **22/06/2016:** Chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P, Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - **25/07/2016:** Tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng
 - **23/01/2017:** UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - **11/01/2018:** Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng
 - **27/04/2018:** Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ
 - **26/12/2018:** Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng
 - **19/07/2019:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UPCoM
 - **31/07/2019:** Ngày giao dịch cổ phiếu PHS trên thị trường UPCoM
 - **04/03/2020:** Tăng vốn điều lệ lên 900.000.000.000 đồng
 - **16/06/2020:** UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh; UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh với tư cách bù trừ trực tiếp
 - **24/06/2021:** Chuyển Trụ sở chính về Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - **28/09/2021:** Tăng vốn điều lệ lên 1.400.000.000.000 đồng
 - **31/12/2021:** UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 57/GCN-UBCK ngày 31/12/2021
 - **29/04/2022:** Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - **29/08/2022:** Tăng vốn điều lệ lên 1.500.098.190.000 đồng
 - **22/11/2022:** Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - **27/02/2023:** Chứng quyền có bảo đảm của PHS lần đầu tiên được đưa vào HSX
 - **05/12/2023:** Trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - **24/12/2024:** Tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng

❖ **Các sự kiện khác**

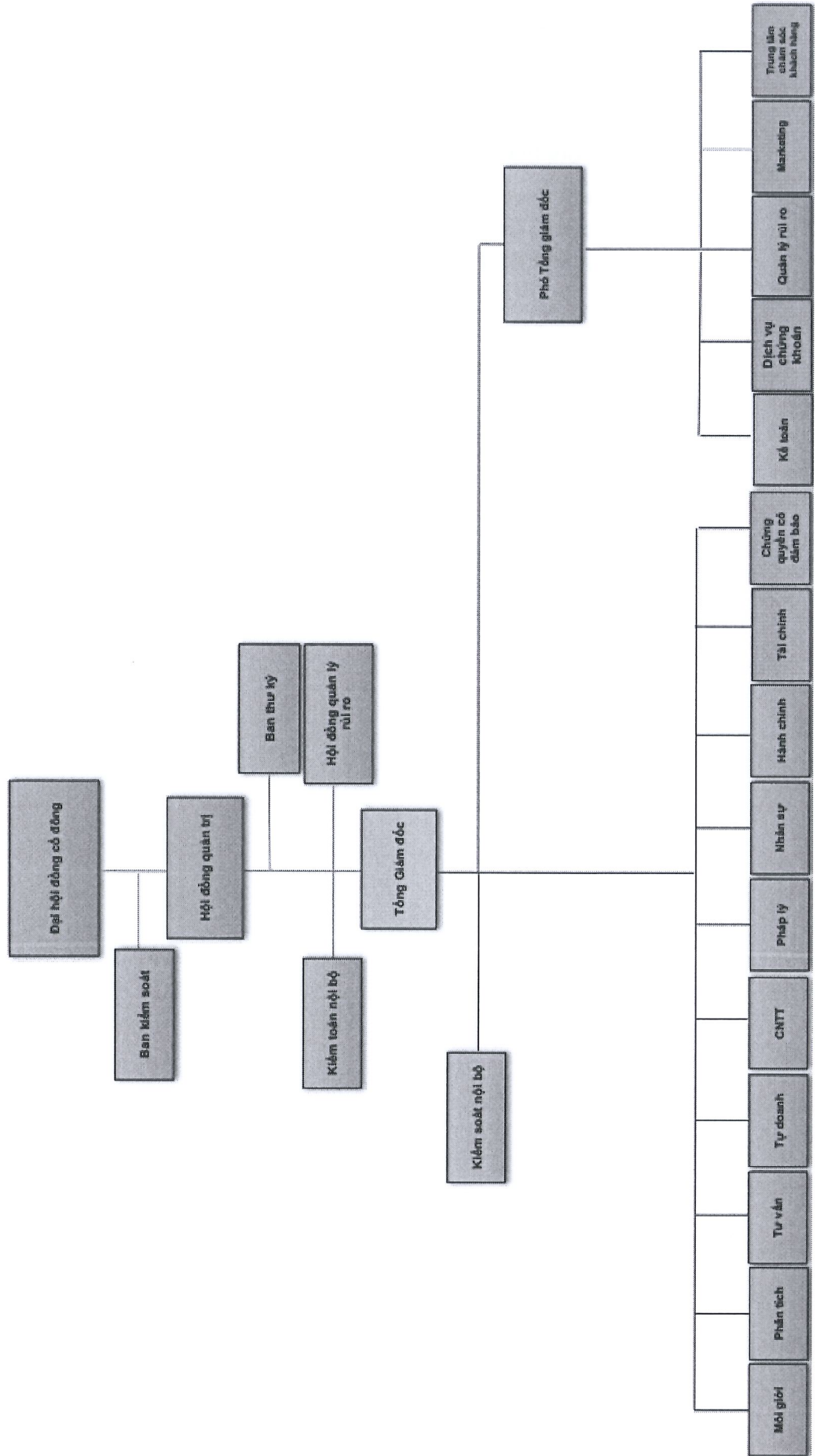
- **16/12/2016:** PHS được UBCKNN tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty
- **12/2016:** PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty

1.3 Cơ cấu tổ chức và mạng lưới hoạt động của công ty

❖ **Cơ cấu tổ chức:**

PHS được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình như sơ đồ bên dưới gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG



Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của PHS theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát; có quyền biểu quyết thông qua nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến sự tồn tại và phát triển của PHS theo quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị (“HDQT”)

HDQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh PHS để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của PHS không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HDQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hoạt động của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Chen Chia Ken	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lin, Hsiu-Chu	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát (“BKS”)

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát HDQT, ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh trong công ty.

Ông Liew Sep Siang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Wang, Gwan-Fang	Thành viên Ban kiểm soát

Kiểm toán nội bộ (“KTNB”)

KTNB do HDQT chỉ định để thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật việc tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HDQT, sự hiệu quả của kiểm soát nội bộ, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty.

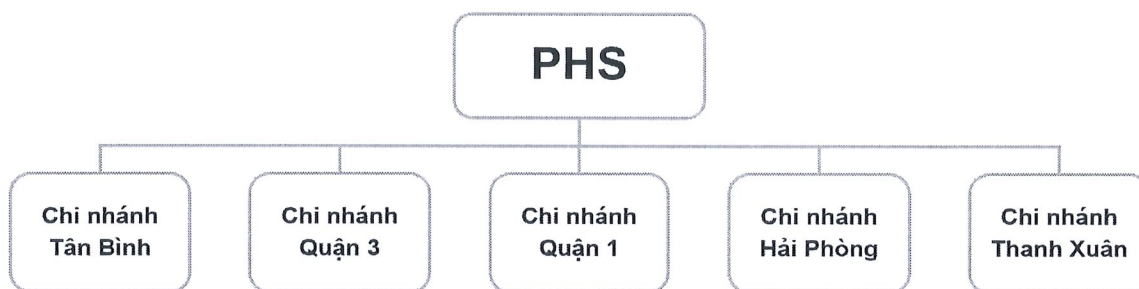
Ban Thư ký (“BTK”)

BTK do HDQT chỉ định để thực hiện vai trò hỗ trợ, tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ, HDQT và BKS.

Hội đồng quản lý rủi ro (“HDQLRR”)

HDQLRR do HDQT chỉ định để xây dựng quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty.

❖ **Mạng lưới hoạt động:**



- **Tại Thành phố Hồ Chí Minh:**

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

- **Các tỉnh/thành phố khác:**

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

1.4 Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Tổng Giám Đốc (“TGD”)

TGD xây dựng các quy định làm việc để HĐQT thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có nội dung cơ bản quy định tại điều lệ PHS. TGD phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro bao gồm các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của PHS và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu theo quy định của pháp luật.

Phó Tổng Giám Đốc

Phó TGD do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của TGD, Phó TGD là người hỗ trợ TGD theo công việc của TGD giao phó.

Kiểm Soát nội bộ (“KSNB”)

KSNB thực hiện, kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của ĐHCĐ, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.

Khối Môi giới

Quản lý hoạt động môi giới của toàn Công ty như sau:

- Tiếp nhận các đề xuất dịch vụ khách hàng từ chi nhánh/ phòng giao dịch đưa ra ý kiến đóng góp và trình cấp có thẩm quyền xét duyệt;
- Theo sát tình hình kinh doanh, hoạt động quản lý của các chi nhánh/ phòng giao dịch và báo cáo cấp có thẩm quyền;
- Thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động kinh doanh của các chi nhánh/ phòng giao dịch;
- Xây dựng chính sách quản lý môi giới;
- Phối hợp với các Khối có liên quan để xây dựng chính sách cho khách hàng;
- Chuyển đổi môi giới cho khách hàng;
- Tính hoa hồng cho môi giới;
- Tổ chức họp định kỳ/ bất thường với các Giám đốc chi nhánh để báo cáo tình hình kinh doanh.

Khối Tư vấn

Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn theo kế hoạch được giao hàng năm, bao gồm xây dựng các quy trình nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tìm kiếm, ký kết và thực hiện các hợp đồng tư vấn.

Thực hiện các hồ sơ liên quan đến thay đổi hoạt động kinh doanh của PHS bao gồm: phát hành, tăng vốn, v.v theo quy định pháp luật liên quan.

Khối Phân tích

Phân tích thị trường và cổ phiếu cung cấp cho khách hàng của PHS nhằm thực hiện mục tiêu hỗ trợ nhà đầu tư và các Khối Môi Giới, Khối Tự Doanh.

Khối Tự doanh

Tiến hành hoạt động đầu tư, thực hiện mua bán chứng khoán trong tài khoản của Công ty với mục đích mang lại lợi nhuận cho Công ty. Theo đó thực hiện:

- Xác định mục tiêu đầu tư của danh mục;
- Thiết lập các quy trình thực hiện liên quan đến tiêu chí lựa chọn danh mục đầu tư; chỉ số đánh giá kết quả và ước lượng rủi ro đầu tư;
- Tiến hành hoạt động đầu tư như quy trình đã phê duyệt.

Khối Công nghệ thông tin

Chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động công nghệ thông tin của Công ty gồm quản lý phần mềm, quản lý hệ thống mạng đảm bảo hoạt động kinh doanh của PHS liên tục và thông suốt.

Khối Pháp lý

Kiểm tra, kiểm soát rủi ro về mặt pháp lý liên quan đến Công ty bao gồm:

- Cập nhật tất cả các quy định có liên quan trong lĩnh vực chứng khoán để các Khối tuân thủ;
- Kiểm tra tất cả các rủi ro pháp lý trong các hợp đồng thương mại dịch vụ với các đối tác và khách hàng;
- Tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong các vụ việc tranh tụng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Khối Nhân sự

Quản lý toàn bộ hoạt động liên quan đến hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, ngân sách, thực hiện quyền lợi nhân sự và chiến lược phát triển tại PHS, bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, tái đào tạo, xây dựng quy chế lương thưởng, chiến lược phát triển nhân sự.

Khối Hành chính

Quản lý toàn bộ các hoạt động hành chính, văn phòng của PHS, bao gồm: xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản theo phê duyệt, quản lý tài sản của PHS.

Khối Tài chính

Phân tích, đánh giá và xây dựng kế hoạch tài chính và đảm bảo nhu cầu tài chính của PHS, bao gồm: xây dựng kế hoạch tài chính quý, năm trình TGD và HĐQT phê duyệt, thực hiện huy động nguồn vốn đáp ứng vốn kinh doanh của PHS.

Khối Kế toán

Thực hiện theo dõi, hạch toán, báo cáo quyết toán số liệu kế toán của PHS, bao gồm:

- Thu thập thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán;
- Kiểm tra, giám sát các khoản phải thu, chi tài chính; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn tài sản hình thành;
- Thực hiện báo cáo quyết toán tài chính định kỳ theo quy định pháp luật, báo cáo tháng, quý, 6 tháng và báo cáo năm;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

Khối Dịch vụ chứng khoán

Quản lý toàn bộ các hoạt động lưu ký và giao dịch chứng khoán, trái phiếu của khách hàng, hoạt động phục vụ thanh toán và bù trừ ký quỹ, hỗ trợ các chi nhánh trong hoạt động hàng ngày.

Khối Marketing

Xây dựng hình ảnh và quảng bá thương hiệu công ty và các sản phẩm của công ty đến đúng đối tượng khách hàng:

- Xây dựng và phát triển hình ảnh Thương hiệu Chứng khoán Phú Hưng;
- Nghiên cứu phát triển kênh truyền thông, kênh tiếp cận khách hàng để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, hỗ trợ mở rộng thị trường;
- Xây dựng và thực hiện các chiến lược Marketing theo KPI cụ thể;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về chiến lược marketing, sản phẩm và khách hàng;
- Thiết lập mối quan hệ với truyền thông & xử lý khủng hoảng truyền thông doanh nghiệp;

- Điều hành công việc của nhân viên thuộc quyền quản lý của bộ phận.

Trung tâm Chăm sóc khách hàng

Cầu nối giữa khách hàng và doanh nghiệp, duy trì khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng tương lai:

- Chịu trách nhiệm tiếp nhận và xử lý mọi khiếu nại của khách hàng;
- Phối hợp phòng ban thực hiện các chiến lược phát triển, quảng bá hình ảnh công ty;
- Thực hiện các chiến dịch chăm sóc khách hàng;
- Cải thiện sự hài lòng của khách hàng.

Khối Quản lý rủi ro

Xây dựng, triển khai và giám sát việc thực hiện Quy trình Quản lý rủi ro:

- Theo dõi, tiếp nhận ý kiến từ các phòng ban và xác định các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động hàng ngày;
- Liên hệ với các bộ phận có liên quan để tìm hiểu chi tiết về rủi ro, đánh giá tác động, đưa ra phương án hạn chế rủi ro và trình phương án lên HĐQT;
- Rà soát và đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi các chính sách, quy trình, quy định liên quan phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và các quy định pháp luật.

Khối Chứng quyền có bảo đảm

Phát hành chứng quyền có bảo đảm, thực hiện hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền có bảo đảm do công ty phát hành.

Nâng cao lợi nhuận của công ty thông qua phát hành chứng quyền, thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến các chứng quyền đã phát hành.

1.5 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.

❖ Danh sách những cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số cổ phiếu theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu	
				Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Âu Lạc - Đại diện: Ông Hứa Đạt	4103001176	92 Bis Trần Quốc Toàn, quận 3, TP. HCM	500.000	22,05
2	Ông Trần Đình Lâm	011564351	Phường Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	453.600	20
3	Bà Trần Thị Quỳnh Mai	010307005	29 Lê Quý Đôn, phường 7, quận 3, TP. HCM.	860.800	37,95
4	Bà Nguyễn Hồng Mai	023322002	Số 8 Tú Xương, phường 7, quận 3, TP. HCM	453.600	20
Tổng cộng				2.268.000	100

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005552 cấp ngày 15/11/2006

❖ **Danh sách những cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ và những người có liên quan**
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 3 cổ đông tại ngày 31/12/2025.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
1	An Thinh Development Limited	CB8860	19/11/2018	Coastal Building, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	17.447.400	8,72	
2	New Beam International Inc	CB5917	12/04/2018	Ground Floor, Coastal Building Wickhams Cay II, P O Box 3169, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	41.676.745	20,84	15.500.000
3	Phu Hung Far East Holding Corporation	CA5901	22/08/2012	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	92.004.600	46,00	23.000.000

- Người liên quan của cổ đông lớn tại ngày 31/12/2025:

STT	Tên cổ đông lớn	Người liên quan của cổ đông lớn	Địa chỉ	Chức vụ tại công ty/ Mỗi quan hệ với công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	An Thinh Development Limited	Ông Ting Kwang Hung	18th Floor, No. 4 Section 1, Chung Hsiao West Road, Taipei, Taiwan Republic Of China	Giám đốc	26/11/2018	0	0
2	New Beam International Inc	Ông Chen, Hsiao - Fan	No. 1, Lane 303, Zhongtai Road, Nantun District, Taichung, Taiwan, R.O.C	Giám đốc	27/04/2018	0	0
3	Phu Hung Far East Holding Corporation	Ông Ting, Kwang - Chin	20 floor, No. 179, Liaoning Street, Taipei 104105, Taiwan	Người đại diện pháp luật	27/06/2024	0	0

1.6 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

- Công ty mẹ của PHS: **Không có**
- Danh sách công ty con và công ty liên kết của PHS: **Không có**
- Danh sách những công ty mà PHS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: **Không có**
- Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PHS: **Không có**

1.7 Thông tin về Ban điều hành

STT	Ban điều hành	Chức vụ	Trình độ	Số cổ phần
1	Ông Chen Chia Ken	Tổng giám đốc	Thạc sĩ	0
2	Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó tổng giám đốc	Thạc sĩ	0
3	Bà Đỗ Thị Ái Vy	Kế toán trưởng	Cử nhân	0

- **Ông Chen Chia Ken – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, kiêm người đại diện pháp luật thứ hai**

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001312/QLQ cấp ngày 15/09/2015.

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh	Đơn vị công tác
1999 – 2005	Chuyên viên cao cấp	Tập đoàn Chứng khoán Quốc tế Đài Loan
2005 – 2009	Trưởng Đại diện – Văn phòng Đại diện Chengdu	Tập đoàn Chứng khoán Quốc tế Đài Loan
2009 – 2011	Phó Chủ tịch kinh doanh	Tập đoàn Chứng khoán Quốc tế Đài Loan
2011 – 2012	Phó Chủ tịch cao cấp	Công ty Cổ phần Chứng khoán Capital
04/12/2012 – 27/03/2013	Quyền Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
28/03/2013 – nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
06/04/2016 – nay	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
17/04/2019 – nay	Người đại diện theo pháp luật thứ hai	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng

Chức vụ tại PHS: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, kiêm người đại diện pháp luật thứ hai

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: Sở hữu cá nhân: Không có

Sở hữu đại diện: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và lương Tổng giám đốc.

- **Bà Phạm Thị Thu Nhân – Phó Tổng giám đốc**

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh	Đơn vị công tác
04/2008 – 08/2009	Giám đốc phòng Dịch vụ Khách hàng	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng
09/2009 – 10/2011	Giám đốc phòng Dịch vụ khách hàng và Phát triển kinh doanh	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng
11/2011 – 07/2015	Giám đốc Khối quản lý rủi ro	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng
07/2015 – nay	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Hưng

Chức vụ tại PHS: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: Sở hữu cá nhân: Không có

Sở hữu đại diện: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương và phúc lợi của Phó Tổng giám đốc theo chính sách Công ty

• **Bà Đỗ Thị Ái Vy – Kế Toán trưởng**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh	Đơn vị công tác
05/2009 – 09/2012	Nhân viên Kế toán	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
09/2012 – 09/2014	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
09/2014 – 11/2017	Giám sát – Khối kế toán	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
12/2017 – nay	Kế Toán Trưởng	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chức vụ tại PHS: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: Sở hữu cá nhân: Không có

Sở hữu đại diện: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương và phúc lợi của Kế Toán Trưởng theo chính sách Công ty.

1.8 Thông tin về Nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

- Bà Nguyễn Thị Thu Anh – Trưởng phòng
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
- Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán số 006507/MGCK cấp ngày 22/05/2020 và Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính số 003099/PTTC cấp ngày 23/10/2025.
- Quá trình làm việc:

07/2018 – 04/2020	Nhân viên Khối Quản lý rủi ro - Thu thập, tổng hợp dữ liệu theo yêu cầu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng,
-------------------	--

	<p>hàng quý, hàng năm hoặc bất thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư ký hội đồng quản lý rủi ro. - Công việc khác theo sự phân công của Quản lý trực tiếp.
04/2020 – 04/2021	<p>Chuyên viên cao cấp Khối Quản lý rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, tổng hợp dữ liệu báo cáo theo yêu cầu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc bất thường. - Các báo cáo chiến lược quản lý rủi ro định kỳ; đánh giá danh sách chứng khoán chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ định kỳ; - Rà soát, đánh giá, xây dựng và hoàn thiện chính sách Quản lý Rủi ro nhằm đảm bảo tối thiểu hóa các rủi ro và các tiêu chuẩn, công cụ đo lường được thực thi đúng. - Thư ký hội đồng quản lý rủi ro. - Công việc khác theo sự phân công của Quản lý trực tiếp.
04/2021 – 04/2023	<p>Giám sát Khối Quản lý rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, tổng hợp dữ liệu theo yêu cầu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc bất thường. - Các báo cáo chiến lược quản lý rủi ro định kỳ; đánh giá danh sách chứng khoán chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ định kỳ; - Thư ký hội đồng quản lý rủi ro. - Nhận dạng, phân tích và đo lường các rủi ro trong hoạt động ký quỹ; giao dịch phái sinh và hoạt động phát hành Chứng quyền có bảo đảm. - Xây dựng các chính sách, tiêu chuẩn, công cụ đo lường để quản lý rủi ro phát sinh. - Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro, làm việc với các bộ phận liên quan nhằm hỗ trợ tư vấn chiến lược quản lý, giảm thiểu rủi ro. - Lập kế hoạch cũng như giám sát các rủi ro, tìm giải pháp để cải thiện hoạt động rà soát và tối thiểu hóa rủi ro. - Công việc khác theo sự phân công của Quản lý trực tiếp.
04/2023 – 04/2025	<p>Phó phòng Khối Quản lý rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, đánh giá và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến Quản lý rủi ro hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc bất thường. - Theo dõi việc trình Hội đồng QLRR - Tổ chức, giám sát và quản lý hoạt động của Phòng Quản lý Rủi ro. - Nhận dạng, phân tích và đo lường rủi ro. Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động phát hành Chứng quyền có bảo đảm & chứng khoán phái sinh và giao dịch ký quỹ. - Xây dựng các chính sách, tiêu chuẩn, công cụ đo lường để quản lý rủi ro phát sinh. - Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro, làm việc với các bộ phận liên quan nhằm hỗ trợ tư vấn chiến lược quản lý, giảm thiểu rủi ro. - Lập kế hoạch; đề xuất và giám sát thực hiện các giải pháp hạn chế rủi ro liên quan đến hoạt động của Phòng Quản lý Rủi ro và các bộ phận nghiệp vụ. - Công việc khác theo sự phân công của Quản lý trực tiếp.

04/2025 – Hiện tại	<p>Trường phòng Khôi Quản lý rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra, đánh giá và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến Quản lý rủi ro hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc bất thường.- Theo dõi việc trình Hội đồng QLR- Nhận dạng, phân tích và đo lường rủi ro. Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động phát hành Chứng quyền có bảo đảm & chứng khoán phái sinh và giao dịch ký quỹ.- Xây dựng các chính sách, tiêu chuẩn, công cụ đo lường để quản lý các rủi ro phát sinh trong hoạt động Chứng quyền có bảo đảm & chứng khoán phái sinh và giao dịch ký quỹ. Đảm bảo các chính sách rủi ro luôn được thực thi đúng, hiệu quả và mang tính độc lập cao.- Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro, làm việc với các bộ phận liên quan nhằm hỗ trợ tư vấn chiến lược quản lý, giảm thiểu rủi ro.- Giải quyết hoặc lên kế hoạch phối hợp với các bên để giải quyết rủi ro khi nó xuất hiện.- Lập kế hoạch; đề xuất và giám sát thực hiện các giải pháp hạn chế rủi ro liên quan đến hoạt động của Phòng Quản lý Rủi ro và các bộ phận nghiệp vụ.- Công việc khác theo sự phân công của Quản lý trực tiếp.
--------------------	---

1.9 Quy mô nhân sự

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2025: 274 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương) tính đến 31/12/2025: 121.895.578.153 đồng.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

Suốt năm 2025, PHS đã liên tục triển khai chính sách ưu đãi toàn diện cho cả khách hàng hiện hữu lẫn khách hàng mới, ví dụ như: giảm phí giao dịch cổ phiếu, phái sinh, ưu đãi lãi suất margin hấp dẫn, v.v... Những chương trình này không chỉ góp phần gia tăng khối lượng giao dịch mà còn tạo hiệu ứng truyền thông tích cực, giúp mở rộng tệp khách hàng.

Với định hướng tập trung vào phân khúc nhà đầu tư chuyên nghiệp và đòi hỏi cao về công nghệ, PHS đã chính thức đưa vào vận hành nền tảng PHS Elite XPro từ đầu tháng 8/2025, với các điểm nổi bật: giao diện thân thiện, hiện đại, tốc độ xử lý và đặt lệnh mượt mà, hệ thống bảo mật nhiều lớp, đảm bảo an toàn tài khoản, tích hợp công cụ phân tích nâng cao. Đến tháng 10/2025, PHS đã hoàn tất triển khai tính năng phân phối chứng chỉ quỹ mở trực tiếp trên mobile app, giúp nhà đầu tư dễ dàng mua bán và so sánh giữa nhiều quỹ mà không cần đến từng công ty quản lý quỹ. Đây là một bước đi chiến lược trong việc xây dựng hệ sinh thái đầu tư số hóa toàn diện.

Công ty nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trong năm 2024 tại thị trường chứng khoán phái sinh với 2,88%. Thị phần thị trường phái sinh lũy kế từ đầu năm đến ngày 31/12/2025 là 2,02%. (Nguồn: <https://www.hnx.vn/vi-vn/m-tin-tuc-hnx.html>)

Công ty không nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trong năm 2024 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về cổ phiếu niêm yết, và cổ phiếu thị trường UPCoM. Công ty không nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất đến ngày 31/12/2025 (theo công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội).

Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tất cả các sản phẩm tài chính đã từng chào bán do Công ty phát hành đã được công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà đầu tư theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 202a Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

Các hoạt động kinh doanh chính

a. Hoạt động môi giới chứng khoán

Cùng với bối cảnh thuận lợi của thị trường chung và sự nỗ lực của tập thể nhân viên PHS, thành tích kinh doanh của Công ty cả năm đã có nhiều chuyển biến tích cực. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt gần 184 tỷ đồng, doanh thu nghiệp vụ cho vay đạt hơn 337 tỷ đồng, lần lượt cao hơn 26% và 21% so với năm trước. Chi phí lãi vay chỉ tăng 19% lên mức 152.9 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2025, tỷ giá USD/VND đã tăng hơn 3.2% và với những khoản vay vốn bằng đồng USD tương đối lớn sẽ có thể đưa Công ty đối mặt với rủi ro về tỷ giá. Tuy nhiên vào đầu năm 2025, với sự dự báo chính xác cùng với việc thực thi những biện pháp nghiệp vụ phù hợp, chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái trong doanh thu hoạt động tài chính đã tăng mạnh 153% lên 54.7 tỷ đồng, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chỉ tăng nhẹ 5% lên mức 72.7 tỷ đồng, và lỗ tỷ giá thuần trong năm của PHS giảm mạnh 62% về mức 18 tỷ đồng. Điều này đã phần nào mang lại sức tích cực hơn cho kết quả kinh doanh chung của Công ty trong cả năm 2025.

b. Hoạt động tự doanh

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam vận động trong bối cảnh đan xen giữa cơ hội và thách thức. Bên cạnh các yếu tố hỗ trợ như mặt bằng lãi suất trong nước duy trì ở mức hợp lý, kỳ vọng tăng trưởng kinh tế tích cực, đẩy mạnh đầu tư công và sự cải thiện từng bước của một số lĩnh vực trọng yếu, thị trường vẫn chịu tác động từ biến động tỷ giá, rủi ro bên ngoài liên quan đến thương mại toàn cầu và sự phân hóa mạnh giữa các nhóm cổ phiếu. Trong bối cảnh đó, Khối Tự doanh duy trì định hướng đầu tư thận trọng, linh hoạt điều chỉnh tỷ trọng danh mục theo diễn biến thị trường và mức độ rủi ro của từng giai đoạn. Chúng tôi ưu tiên kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng lựa chọn cổ phiếu và tập trung vào các cơ hội có nền tảng cơ bản tốt, thanh khoản cao và tiềm năng tăng trưởng bền vững. Nhờ tuân thủ chặt chẽ kỷ luật đầu tư và quy trình quản trị rủi ro, danh mục tự doanh duy trì được trạng thái an toàn, đồng thời từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động. Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển của Công ty và sự hỗ trợ ngày càng chuyên sâu từ Khối Phân tích, Khối Tự doanh kỳ vọng sẽ nâng cao hơn nữa năng lực nhận diện cơ hội, tối ưu hiệu suất đầu tư và đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung.

c. Hoạt động tư vấn và phân tích

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên Thị trường Chứng khoán (“TTCK”) của Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, Chứng khoán Phú Hưng cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngành và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, các dịch vụ tư vấn liên quan đến niêm yết, phát hành, cổ phần hóa, mua bán và sáp nhập cũng như các dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng tổ chức.

d. Tình hình tranh chấp/ kiện tụng

Công ty không có tranh chấp hay kiện tụng nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh thông thường cho đến thời điểm hiện tại.

e. Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về chứng quyền có đảm bảo

Công ty không có kế hoạch quảng cáo dự kiến cho các chứng quyền trong đợt đăng ký chào bán này.

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% chênh lệch so với năm 2024	Lũy kế đến quý 1/2026
Tổng giá trị tài sản	3.931.365	5.584.215	42,0%	5.813.973
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	506.650	675.696	33,4%	195.973
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	172	116.747	67.776%	4.512
Lợi nhuận khác	169	9	(94,7)%	0
Lợi nhuận trước thuế	341	116.756	34.139%	4.512
Lợi nhuận sau thuế	108	93.320	86.307%	3.508

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024; BCTC kiểm toán năm 2025; BCTC quý 1/2026

Các chứng quyền mà Công ty đã phát hành

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số lượng chào bán	Tình trạng	Số lượng niêm yết
Đợt 1										
1	Chứng quyền HPG.01.PHS.C.EU.Cash	CHPG2303	Mua	6 tháng	17/07/2023	1:1	23.900 VNĐ	3.000.000	Đã đáo hạn	3.000.000
Đợt 2										
2	Chứng quyền HPG.02.PHS.C.EU.Cash	CHPG2314	Mua	9 tháng	29/02/2024	2:1	21.450 VNĐ	3.000.000	Đã đáo hạn	3.000.000
3	Chứng quyền STB.01.PHS.C.EU.Cash	CSTB2311	Mua	6 tháng	30/11/2023	2:1	27.700 VNĐ	3.000.000	Đã đáo hạn	3.000.000
Đợt 3										
4	Chứng quyền MWG.04.PHS.C.EU.Cash	CMWG2517	Mua	10 tháng	25/05/2026	8,8723 :1	76.401 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
5	Chứng quyền MWG.06.PHS.C.EU.Cash	CMWG2518	Mua	12 tháng	23/07/2026	6,9007: 1	82.611 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
6	Chứng quyền MWG.02.PHS.C.EU.Cash	CMWG2516	Mua	11 tháng	23/06/2026	7,8865: 1	79.851 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000

BẢN CÁO BẠCH
CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

7	Chứng quyền VHM.01.PHS. C.EU.Cash	CVHM2519	Mua	10 tháng	25/05 /2026	7:1	108.200 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	2.000.000
8	Chứng quyền VHM.03.PHS. C.EU.Cash	CVHM2520	Mua	12 tháng	23/07 /2026	5:1	111.900 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	2.000.000
9	Chứng quyền VNM.06.PHS. C.EU.Cash	CVNM2520	Mua	12 tháng	23/07 /2026	6,6918: 1	63.190 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
10	Chứng quyền TPB.02.PHS.C .EU.Cash	CTPB2506	Mua	12 tháng	23/07 /2026	1,9063: 1	16.871 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
11	Chứng quyền HPG.04.PHS. C.EU.Cash	CHPG2529	Mua	10 tháng	25/05 /2026	4:1	28.050 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
12	Chứng quyền HPG.05.PHS. C.EU.Cash	CHPG2530	Mua	11 tháng	23/06 /2026	3:1	28.600 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
13	Chứng quyền HPG.08.PHS. C.EU.Cash	CHPG2531	Mua	11 tháng	23/06 /2026	4:1	29.900 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
14	Chứng quyền HPG.09.PHS. C.EU.Cash	CHPG2532	Mua	12 tháng	23/07 /2026	3:1	31.200 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
15	Chứng quyền FPT.02.PHS.C .EU.Cash	CFPT2520	Mua	12 tháng	23/07 /2026	14,8455 :1	130.047 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
16	Chứng quyền FPT.04.PHS.C .EU.Cash	CFPT2521	Mua	11 tháng	23/06 /2026	18,8043 :1	121.238 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
17	Chứng quyền VPB.03.PHS. C.EU.Cash	CVPB2521	Mua	12 tháng	23/07 /2026	3:1	22.150 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	1.000.000
18	Chứng quyền VPB.06.PHS. C.EU.Cash	CVPB2522	Mua	12 tháng	23/07 /2026	2:1	24.650 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	1.000.000
19	Chứng quyền STB.03.PHS.C .EU.Cash	CSTB2524	Mua	11 tháng	23/06 /2026	5:1	53.900 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
20	Chứng quyền STB.06.PHS.C .EU.Cash	CSTB2525	Mua	12 tháng	23/07 /2026	4:1	57.200 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
21	Chứng quyền VRE.06.PHS. C.EU.Cash	CVRE2520	Mua	11 tháng	23/06 /2026	3:1	32.700 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000

22	Chứng quyền VRE.07.PHS. C.EU.Cash	CVRE2521	Mua	12 tháng	23/07 /2026	2:1	35.700 VNĐ	4.000.000	Đang niêm yết	4.000.000
----	---	----------	-----	-------------	----------------	-----	---------------	-----------	---------------------	-----------

Tình hình thanh toán chứng quyền có bảo đảm của công ty:

Tất cả các chứng quyền đã đáo hạn có lãi do Công ty phát hành đã được công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà đầu tư theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 202a Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ, Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm và các quy định pháp luật liên quan.

3. Tình hình tài chính

Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn trong thời gian qua.

Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện các khoản phải nộp theo đúng quy định của pháp luật.

Vay ngắn hạn tại 31/12/2025: 2.871.519.000.000 đồng.

Tình hình tổng dư nợ vay tại ngày 31/12/2025:

- Tổng dư nợ vay: 2.871.519.000.000 đồng
Nợ quá hạn: Không có
- Tổng dư nợ bảo lãnh: Không có
Nợ quá hạn ngắn hạn/ trung hạn/ dài hạn: Không có
- Chi tiết số dư các khoản vay của PHS:

Đơn vị tính: đồng

Các chỉ tiêu	2024	2025	Ghi chú
Vay và nợ ngắn hạn:			
- Vay ngân hàng	1.433.388.000.000	2.871.519.000.000	
- Khác	0	0	
Tổng dư nợ vay	1.433.388.000.000	2.871.519.000.000	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024; BCTC kiểm toán năm 2025

Tình hình công nợ tại ngày 31/12/2025:

- Tổng số nợ phải thu: 128.517.817.318 đồng.
- Tổng số nợ phải trả: 569.974.060.874 đồng.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: đồng

Các chỉ tiêu	2024	2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng:	2.031.479.027.528	1.913.018.782.835	
- Tổng rủi ro	303.594.303.052	335.478.010.597	
<i>Rủi ro thị trường</i>	7.502.540.665	54.011.117.298	
<i>Rủi ro thanh toán</i>	116.091.762.387	101.466.893.299	
<i>Rủi ro hoạt động</i>	180.000.000.000	180.000.000.000	
- Tỷ lệ vốn khả dụng:			
<i>Giá trị vốn khả dụng</i> <i>Tổng rủi ro</i>	669%	570%	

2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	2,07	1,53	
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho <i>Nợ ngắn hạn</i>	2,06	1,53	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,47	0,62	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,90	1,61	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0002	0,14	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,00007	0,04	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,00003	0,02	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,0003	0,17	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	0,70	467	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán năm 2025 của PHS

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền:

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TCB.02.PHS.C.EU.Cash.11M
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	TCB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Loại chứng quyền:	Chứng quyền Mua
Kiểu thực hiện:	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn (kiểu Châu Âu)
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Thời hạn của chứng quyền:	11 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng quyền có bảo đảm
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến:	Trước ngày đáo hạn 02 (hai) ngày làm việc
Ngày đáo hạn dự kiến:	11 tháng kể từ ngày chào bán
Tỷ lệ chuyển đổi:	4:1 (04 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)

Giá thực hiện/ khoảng giá thực hiện:	Trong biên độ +/-20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá cụ thể sẽ được thông báo trong Thông báo phát hành
Tài sản bảo đảm thanh toán:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
Giá chào bán/ khoảng giá chào bán:	Trong khoảng giá từ 1.000 (một nghìn) đồng/chứng quyền đến 1.500 (một nghìn năm trăm) đồng/chứng quyền. Giá cụ thể sẽ được thông báo trong Thông báo phát hành
Tổng số chứng quyền dự kiến chào bán:	4.000.000 (bốn triệu) chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán:	Từ 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng đến 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng

- Phương pháp tính giá chào bán

Giá chào bán chứng quyền được tính theo công thức Black-Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

- C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua;
- $N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;
- X: Giá thực hiện của chứng quyền mua;
- S: Giá chứng khoán cơ sở;
- T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền / 365;
- r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);
- σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (PHS sử dụng độ biến động giá của chứng khoán cơ sở trong quá khứ để dự báo mức biến động của chứng khoán cơ sở trong tương lai);
- k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền mua.

- Chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

Chứng khoán cơ sở (S)	Giá cổ phiếu TCB tại thời điểm định giá
Giá thực hiện (X)	Trong biên độ +/-20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá cụ thể sẽ được thông báo trong Thông báo phát hành.
Lãi suất phi rủi ro (do PHS tự xác định) (r_c)	2% - 10%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do TCPH xác định) (σ)	15% - 90%
Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn (T)	0,92 năm
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	4:1 (04 chứng quyền đổi lấy 01 cổ phiếu)

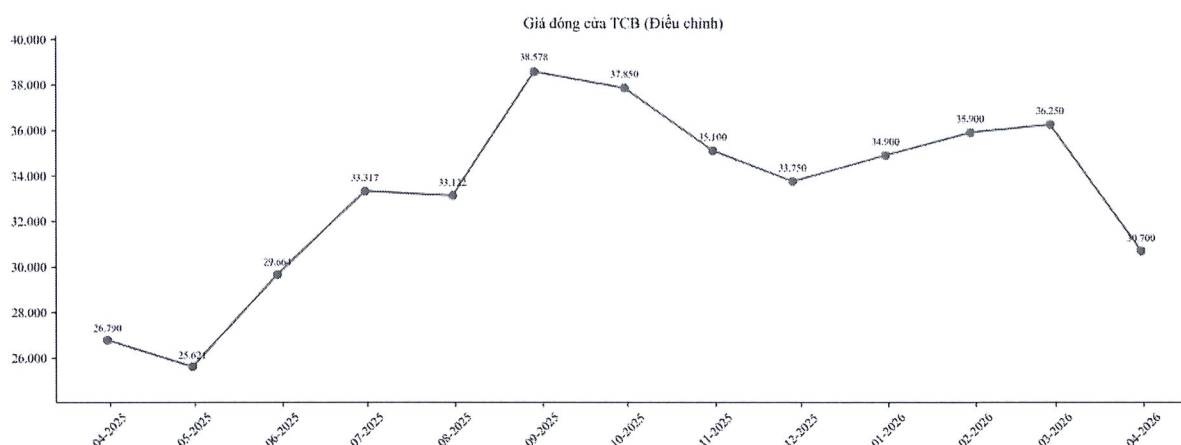
- Thông tin các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó:

Đây là lần phát hành đầu tiên của mã chứng quyền có bảo đảm này.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Chứng khoán cơ sở là cổ phiếu: TCB của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
- Mức vốn hóa: 217.547 tỷ đồng (tại ngày 31/03/2026)
- Tính thanh khoản, tình hình biến động giá trong 52 tuần gần nhất (01/03/2025 –31/03/2026):
 - Khối lượng giao dịch trung bình trong năm: 22.391.125 cổ phiếu
 - Giá giao dịch cao nhất trong 52 tuần gần nhất: 42.500 đồng (21/08/2025)
 - Giá giao dịch thấp nhất trong 52 tuần gần nhất: 22.300 đồng (09/04/2025)
- Chỉ số giá/thu nhập (P/E) tại thời điểm thống kê ngày 31/03/2026: 8,58
- TCB là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với thế mạnh vượt trội trong lĩnh vực:
 - Ngân hàng - Tài chính: Cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng cho cá nhân và doanh nghiệp;
 - Hoạt động trung gian tiền tệ và dịch vụ tài chính liên quan.
- Ngày 22/05/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán TCB.

- Biểu đồ giá đóng cửa cuối tháng của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất (03/2025 – 03/2026)



Nguồn: TCB, Bloomberg, PHS tính toán

Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024 (đã kiểm toán)	2025 (đã kiểm toán)	% tăng giảm	Lũy kế Quý 1/2026
Tổng giá trị tài sản	978.799	1.192.344	21,8%	1.190.454
Vốn chủ sở hữu	147.940	179.501	21,3%	186.683
Doanh thu thuần	46.990	53.391	13,6%	13.674
Thuế và các khoản phải nộp	(5.778)	(6.584)	13,9%	(1.920)
Lợi nhuận trước thuế	27.538	32.538	18,2%	8.870
Lợi nhuận sau thuế	21.760	25.954	19,3%	6.950
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	14,7%	14,5%	1,4%	3,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính TCB (hợp nhất), Fiin Pro, PHS tính toán

Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 02 năm gần nhất:

Các chỉ tiêu	2024	2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Dư nợ cho vay khách hàng/Tổng vốn lưu động	116,9	122,3	
- Dư nợ cho vay/Tổng tài sản có	63,7	63,5	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,8	0,8	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,6	5,6	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	46,3%	48,6%	

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	14,7%	14,5%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2,2%	2,2%	
- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập hoạt động	75,6%	71,5%	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VND)	3.049	3.572	

Nguồn: Báo cáo tài chính TCB (hợp nhất), Fiin Pro, PHS tính toán

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (TCB) không ghi nhận vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong năm 2024 và 2025.

3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm

PHS dự kiến phân phối chứng quyền ngay sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:

STT	Nội dung	Thời gian (Dự kiến)
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán chứng quyền	T
2	Công bố thông tin về đợt phát hành	T đến T+3
3	Phân phối chứng quyền	T+4 đến T+7
4	Báo cáo và công bố thông tin kết quả phân phối chứng quyền	T+7 đến T+10

Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm.

Việc phân phối chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi PHS bảo đảm người mua chứng quyền tiếp cận được Bản cáo bạch và các nội dung hướng dẫn tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty.

4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

Thời hạn đăng ký mua

PHS sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Theo dự kiến, thời gian nhà đầu tư đăng ký mua là trong vòng tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có hiệu lực.

Cách thức đăng ký mua chứng quyền

Địa điểm đăng ký: Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền tại các kênh chính thống của PHS sau khi tiếp cận được Bản cáo bạch theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo các nội dung tại Thông báo phát hành chứng quyền của PHS.

Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền, theo bội số của 100 hoặc quy định khác của PHS theo từng thời kỳ.

Tỷ lệ nộp tiền đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm: 100% giá trị đăng ký mua.

Bước giá: 10 đồng.

Quý khách vui lòng tham khảo hướng dẫn tại <https://www.phs.vn/san-pham-dich-vu/hdgd-thi>

truong-so-cap/12.

Phương thức thanh toán

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
- Số tài khoản: 143001537216
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh
- Nội dung chuyển khoản: <Số tài khoản chứng khoán> <Họ và tên Quý Khách hàng> Mua <Tên chứng quyền> SL <Số lượng chứng quyền> Gia <Giá chứng quyền>

Lưu ý: Quý khách vui lòng chuyển 1 lệnh chuyển tiền tương ứng 1 giao dịch đăng ký mua chứng quyền

Ví dụ: 022C123456 Nguyen Van A Mua CWPHSXXX SL 1000 Gia 1000

Theo Điểm đ Khoản 1 Điều 202a Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025, PHS cam kết ngân hàng, nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, của cổ đông đăng ký chào bán. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của tổ chức phát hành, của cổ đông đăng ký chào bán.

Mọi thắc mắc Quý Khách hàng vui lòng liên hệ với Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng qua:

- Điện thoại: (+84 28) 5411 8855
- Email: support@phs.vn

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền:

PHS sẽ thông báo cho nhà đầu tư trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đã nhận báo cáo kết quả phân phối chứng quyền từ UBCKNN, qua hình thức thư điện tử (email)/điện thoại.

Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do VSDC thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Giấy đăng ký mua chứng quyền.

Nguyên tắc phân phối chứng quyền

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành sẽ chuyển số chứng quyền còn lại chưa phân phối vào tài khoản tự doanh, từ đó tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM sau khi chứng quyền được niêm yết.

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua của tất cả các nhà đầu tư lớn hơn số lượng chào bán, chứng quyền sẽ được phân phối theo tỷ lệ.

Số chứng quyền nhà đầu tư nhận được

$$= \text{Số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{số lượng chứng quyền nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{tổng số chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của tất cả các nhà đầu tư}}$$

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền:

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được PHS thông báo tại Thông báo phát hành chứng quyền sau khi PHS được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền.

Nguyên tắc làm tròn:

Số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng trăm với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.

Các lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ:

- Lệnh đăng ký mua chứng quyền nhỏ hơn lệnh đặt tối thiểu;
- Nhà Đầu tư đã chuyển tiền đăng ký mua nhưng không gửi Giấy đăng ký mua chứng quyền cho PHS;
- Lệnh chuyển tiền đăng ký mua ghi sai Nội dung chuyển tiền;
- Lệnh chuyển tiền đăng ký mua được ghi nhận vào tài khoản PHS sau thời hạn thanh toán;
- Giấy đăng ký mua chứng quyền ghi sai Nội dung thông tin.

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền

Trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền không thành công, nộp dư, nộp sai hoặc được phân phối theo tỷ lệ, trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày nhận được báo cáo kết quả phân phối chứng quyền từ UBCKNN, PHS sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở của nhà đầu tư mở tại PHS.

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm

Thực hiện hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 28 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm

a. Trường hợp thanh toán bằng tiền cho chứng quyền đáo hạn

Đối với các trường hợp thực hiện chứng quyền do chứng quyền đáo hạn, việc thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư sẽ được thực hiện như sau:

Quy trình thanh toán bằng tiền: áp dụng theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và quy định của Công ty.

Quy trình Thanh toán

1. PHS gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSDC chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:
 - *Ngày đăng ký cuối cùng:* Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ 2 sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền sau đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
 - *Ngày thanh toán:* Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ 5 kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
2. PHS gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
3. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng khi chứng quyền có lãi.
4. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của PHS, VSDC lập và gửi cho HSX và các thành viên thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
5. Chậm nhất vào 9 giờ ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
6. Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin

người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSDC. Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11:00 giờ ngày làm việc liền kề sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách.

Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

7. Vào ngày làm việc thứ hai (02) sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi PHS danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
8. PHS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba (03) sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp nhận thông tin trong danh sách, PHS phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
9. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của PHS, VSDC gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
10. Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, PHS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, PHS phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của tổ chức phát hành, VSDC sẽ thông báo cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.
11. Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.
12. Trường hợp PHS thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của PHS, VSDC gửi thông báo cho SGDCK và các thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.
 - Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
 - Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
 - Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

b. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trong trường hợp PHS mất khả năng thanh toán, người sở hữu chứng quyền được quyền ưu tiên thanh toán từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro (là chứng khoán cơ sở của chứng quyền, và các chứng quyền trên cùng tài sản cơ sở do các tổ chức khác phát hành (nếu có) theo phương án phòng ngừa rủi ro nêu tại Mục VII của Bản cáo bạch này) và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh.

- Tài sản ký quỹ cho các đợt phát hành chứng quyền tại ngân hàng lưu ký. Theo quy định hiện tại, PHS phải duy trì tài sản bảo đảm thanh toán là tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi tại ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, giá trị là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của PHS hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán các nghĩa vụ liên quan đến chứng quyền, người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ có đảm bảo một phần của Công ty và được hưởng mọi quyền lợi tương đương với chủ nợ có đảm bảo một phần theo quy định pháp luật.
- Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản trong việc thanh toán đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập: áp dụng theo quy định về việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm tại Luật Doanh Nghiệp

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở (giá thanh toán) cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì giá thanh toán được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liền kề trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.

Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, PHS sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, PHS thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường, Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

Cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực như sau: Sử dụng công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

- C: Giá lý thuyết của chứng quyền;
- $N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;
- X: Giá thực hiện của chứng quyền;
- S: Giá chứng khoán cơ sở;
- T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm): là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền / 365;
- r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);
- k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền;
- σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (PHS sử dụng độ biến động giá của chứng khoán cơ sở trong quá khứ để dự báo mức biến động của chứng khoán cơ sở trong tương lai).

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

- Δ_{CALL} : Giá trị delta của chứng quyền mua;
 - $N(d_1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.
- Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới, và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
 - + Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở
 - + Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)
 - + Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)
 - + Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

a. Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

- Phí mua chứng quyền: bằng Giá chào bán chứng quyền x Số lượng chứng quyền đăng ký mua;
- Phí môi giới áp dụng tại PHS;
- Phí giao dịch tại SGDCK: Áp dụng theo quy định của SGDCK.
- Phí lưu ký, thực hiện quyền, chuyển khoản: Áp dụng theo quy định của VSDC.

b. Thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

i. Về thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”):

- Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền

- Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%

Giá chuyển nhượng chứng quyền được tính như sau:

- + Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc
- + Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

- Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư được áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:)) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

ii. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”):

- Đối với doanh nghiệp trong nước:

Doanh nghiệp có thu nhập từ chứng quyền thì khoản thu nhập này phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- Đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài):

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN nêu tại mục này.

iii. Về thuế giá trị gia tăng (“GTGT”):

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 02/03/2018 của Tổng Giám đốc SGDCCK Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

a) Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

b) Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, v.v;
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

- Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:**
 - Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
 - Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
 - Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền có bảo đảm**

Việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền là chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với Công ty.

1.1 Các bước Công ty thực hiện để quản trị rủi ro hiệu quả sau:

Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền

Các rủi ro thường gặp của PHS khi phát hành chứng quyền:

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi PHS không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như PHS bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền và giá của tài sản cơ sở.
- **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi PHS vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh, hoặc sáp nhập, v.v.
- **Rủi ro hoạt động:**
 - Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ hacker đánh sập hệ thống công nghệ thông tin);
 - Rủi ro do nhân viên không đảm bảo yêu cầu về trình độ, chứng chỉ hành nghề, đạo đức nghề nghiệp (lừa đảo, sai sót do cố tình hoặc vô tình);
 - Rủi ro về tài sản vốn, các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh v.v.)
- **Rủi ro khác:** theo đặc thù hoạt động của PHS trong từng thời điểm.

Bước 2: Phân tích và đánh giá rủi ro

❖ Rủi ro thanh toán:

- Xảy ra khi PHS không thể thực hiện được các nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết đối với nhà đầu tư, hậu quả trước mắt là sẽ ảnh hưởng đến uy tín của PHS khiến nhà đầu tư mất niềm tin vào những đợt phát hành chứng quyền tiếp theo và ảnh hưởng đến những hoạt động kinh doanh khác của PHS.
- Ngoài ra, khi không thể thực hiện việc thanh toán cho nhà đầu tư trong vòng 03 tháng PHS sẽ phải trả lãi suất quá hạn thanh toán theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tính từ ngày đến hạn thanh toán cho nhà đầu tư. Việc này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của PHS cũng như phải tiến hành những tiến trình pháp lý bắt buộc.

❖ **Rủi ro thị trường:**

- Đối với sự thay đổi giá của chứng quyền: Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá, mức độ biến động giá của chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất phi rủi ro, các sự kiện quyền của chứng khoán cơ sở. Giá của chứng quyền sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu từ việc bán chứng quyền cho nhà đầu tư của PHS. Biến động giá chứng quyền cũng tác động đến hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đang lưu hành của PHS.
- Đối với sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở: Sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở phụ thuộc vào triển vọng kinh doanh và tình hình tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, cung cầu và tình hình thị trường, sự kiện doanh nghiệp, tính thanh khoản và những yếu tố khác. Biến động giá của chứng khoán cơ sở tác động trực tiếp đến vị thế phòng ngừa rủi ro của PHS.

❖ **Rủi ro pháp lý:**

- Rủi ro pháp lý xảy ra khi PHS không tuân thủ pháp luật, quy định hiện hành hoặc không cập nhật kịp thời, đầy đủ sự thay đổi của pháp luật, quy định về kinh doanh chứng khoán nói chung cũng như đối với hoạt động phát hành chứng quyền nói riêng. Rủi ro này có thể khiến PHS không đáp ứng những quy định về hạn mức phát hành chứng quyền, nghĩa vụ tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, báo cáo và công bố thông tin v.v.

❖ **Rủi ro hoạt động:**

- Rủi ro về công nghệ có thể xảy ra khi có các đối tượng có ý đồ phá hoại hệ thống công nghệ thông tin của PHS, xảy ra sự cố mất điện, sự cố hệ thống phần cứng hoặc phần mềm dẫn đến mất mát số liệu, tạm ngừng hoạt động của hệ thống làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch, hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro, thanh toán hoặc các nghiệp vụ khác của PHS.
- Rủi ro liên quan đến nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của nhân viên PHS có thể dẫn đến việc thực thi sai các quy trình nghiệp vụ tại PHS.

❖ **Phương pháp xác định và đo lường rủi ro và hạn mức rủi ro:**

- Rủi ro được xác định và đo lường bằng phương pháp định lượng và/ hoặc định tính như sau:
 - Thông thường rủi ro được xếp hạng theo 4 cấp độ sau: Cao, tương đối, trung bình và thấp;
 - Rủi ro được đo lường dựa vào sự kết hợp giữa mức độ trọng yếu và tần suất xảy ra rủi ro.

Căn cứ vào mức độ trọng yếu:

Mức độ	Mô tả	Hạn mức
Không đáng kể	Mức thiệt hại thấp, không gây mất khả năng hoạt động, không ảnh hưởng đến vị thế xã hội.	Mức thiệt hại nhỏ hơn 1% vốn chủ sở hữu
Nhỏ	Mức thiệt hại trung bình, ảnh hưởng ít đến khả năng hoạt động, ảnh hưởng ít đến vị thế xã hội.	Mức thiệt hại từ 1% đến < 2% vốn chủ sở hữu
Trung bình	Mức thiệt hại tương đối cao, ảnh hưởng tương đối đến khả năng hoạt động, ảnh hưởng tương đối đến vị thế xã hội.	Mức thiệt hại từ 2% đến < 3% vốn chủ sở hữu

Lớn	Mức thiệt hại lớn, ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động, ảnh hưởng đáng kể đến vị thế xã hội.	Mức thiệt hại từ 3% đến < 4% vốn chủ sở hữu
Nghiêm trọng	Mức thiệt hại nghiêm trọng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng hoạt động, ảnh hưởng nghiêm trọng đến vị thế xã hội.	Mức thiệt hại từ 4% vốn chủ sở hữu trở lên

Căn cứ vào tần suất xảy ra rủi ro:

Mức độ	Mô tả	Xác suất
Hầu như chắc chắn	Dự đoán xảy ra ở mọi hoàn cảnh	Biến cố xảy ra mỗi ngày hoặc rất thường xuyên
Gần như	Có thể sẽ xảy ra ở mọi hoàn cảnh	Biến cố xảy ra 02 tuần một lần
Có khả năng	Sẽ xảy ra vào một lúc nào đó	Biến cố xảy ra mỗi tháng một lần
Không chắc chắn	Có thể xảy ra vào một lúc nào đó	Biến cố xảy ra mỗi quý một lần
Hiếm khi	Có thể chỉ xảy ra trong một số trường hợp ngoại lệ	Biến cố xảy ra mỗi năm một lần

Ma trận đo lường mức độ rủi ro:

		Mức độ trọng yếu				
		Không đáng kể	Nhỏ	Trung bình	Lớn	Nghiêm trọng
Tần suất	Hầu như chắc chắn	Trung bình	Tương đối cao	Tương đối cao	Cao	Cao
	Gần như	Trung bình	Trung bình	Tương đối cao	Tương đối cao	Cao
	Có khả năng	Thấp	Trung bình	Trung bình	Tương đối cao	Cao
	Không chắc chắn	Thấp	Thấp	Trung bình	Trung bình	Tương đối cao
	Hiếm khi	Thấp	Thấp	Thấp	Trung bình	Tương đối cao

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

❖ **Rủi ro thanh toán:**

- PHS phải sử dụng những tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh, tài sản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký, bảo lãnh thanh toán và những tài sản khác (nếu có) để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết với nhà đầu tư. Trong trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đối với chủ nợ có bảo

đảm một phần.

❖ **Rủi ro thị trường:**

Một số biện pháp được áp dụng để giảm thiểu rủi ro thị trường như sau:

- Thiết lập các tiêu chuẩn để lựa chọn cổ phiếu cơ sở và thực hiện phát hành chứng quyền;
- Chú trọng việc xây dựng, phát triển bộ phận phân tích dựa vào các biến động giá trong quá khứ, kinh nghiệm và các phân tích chuyên sâu khác nhằm đưa ra mức dự báo về các biến động của thị trường giúp cho Khối chứng quyền có bảo đảm chủ động trong việc đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền do PHS phát hành.

❖ **Rủi ro pháp lý:**

PHS có thể thực hiện một số biện pháp sau để kiểm soát rủi ro pháp lý:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và hoạt động hiệu quả nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi gian lận trong vận hành;
- Định kỳ rà soát hệ thống quy trình, quy chế hoạt động của PHS đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

❖ **Rủi ro hoạt động:**

- Để hạn chế các rủi ro đối với hệ thống công nghệ thông tin, PHS đầu tư, nâng cấp, kiểm tra và theo dõi sát sao tình trạng phần cứng và phần mềm của hệ thống core giao dịch và hệ thống giao dịch điện tử, sử dụng hệ thống máy chủ có chức năng back-up và thực hiện việc sao lưu dữ liệu hằng ngày; áp dụng các giải pháp bảo mật hiện đại; sử dụng bộ lưu điện để phòng trường hợp mất điện (có khả năng đáp ứng đối với server từ 30 – 60 phút, các máy tính giao dịch 30 – 60 phút sau mất điện). Khi hệ thống xảy ra lỗi, PHS sẽ tiến hành kiểm tra và liên hệ nhà cung cấp dịch vụ để xử lý sớm nhất có thể.
- Đối với các rủi ro liên quan đến nghiệp vụ của nhân viên, PHS xây dựng các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ, phổ biến quy trình rõ ràng, cụ thể đến cá nhân và phòng ban liên quan. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên mới nhằm phổ biến các quy trình nghiệp vụ của PHS. Áp dụng mô hình đánh giá KPI tại tất cả các vị trí sáu (6) tháng một (1) lần hỗ trợ việc ra quyết định các vấn đề liên quan đến lương, thưởng.

Bước 4: Báo cáo rủi ro

- Các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành nghiệp vụ phát hành chứng quyền phải được báo cáo cho Ban Tổng Giám Đốc hoặc Hội đồng Quản lý Rủi Ro theo quy định trong Chính Sách Quản Lý Rủi Ro tại thời điểm.
- Hệ thống báo cáo kiểm soát rủi ro như sau:
 - Khối Kiểm Soát Nội Bộ: lập các báo cáo về các hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật và của PHS trong việc vận hành nghiệp vụ phát hành chứng quyền;
 - Khối Chứng Quyền Có Bảo Đảm: lập các báo cáo quản lý thanh khoản; báo cáo quản lý thời gian đáo hạn của chứng quyền v.v.
 - Các báo cáo khác (nếu có).

Bước 5: Xử lý rủi ro và giám sát rủi ro

- Ban Tổng Giám Đốc sẽ đưa ra quyết định về việc xử lý rủi ro dựa trên đề xuất của các

Khối liên quan căn cứ vào mức độ rủi ro theo quy định trong Chính Sách Quản Lý Rủi Ro.

- Tóm tắt về xử lý rủi ro dựa trên mức độ rủi ro:

Mức độ rủi ro	Yêu cầu xử lý
Cao	Hành động ngay lập tức Các bước thực hiện nhằm giảm thiểu mức độ rủi ro cần phải được thực hiện ngay dựa trên hệ thống phân cấp kiểm soát rủi ro.
Tương đối cao	Khắc phục trong ngày Các biện pháp thực hiện phải đảm bảo: (i) Mức độ rủi ro được giảm thiểu xuống thấp nhất có thể dựa trên phân cấp quản lý rủi ro; (ii) Việc kiểm soát rủi ro phải dựa theo các quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn và các quy chế thực hành; (iii) Việc đánh giá rủi ro phải được xem xét và chấp thuận bởi Cấp có thẩm quyền; (iv) Cấp có thẩm quyền phải xem xét và ghi nhận tính hiệu quả của việc kiểm soát rủi ro.
Trung bình	Khắc phục trong tuần Các biện pháp thực hiện phải đảm bảo: (i) Mức độ rủi ro được giảm thiểu xuống thấp nhất có thể dựa trên phân cấp quản lý rủi ro; (ii) Việc đánh giá rủi ro phải được xem xét và chấp thuận bởi Cấp có thẩm quyền; (iii) Cấp có thẩm quyền phải xem xét và ghi nhận tính hiệu quả của việc kiểm soát rủi ro.
Thấp	Khắc phục trong tháng Tuân thủ theo các quy trình đã được xây dựng và theo phân cấp kiểm soát rủi ro.

- Một số biện pháp được áp dụng để giảm thiểu và giám sát rủi ro phát sinh như sau:

- Ưu tiên xử lý các rủi ro trọng yếu;
- Xây dựng cơ chế đa phân quyền kiểm tra chéo đối với các nghiệp vụ then chốt nhằm phòng ngừa rủi ro gian lận trong quá trình tác nghiệp của nhân viên;
- IT xây dựng kế hoạch kiểm soát rủi ro hạ tầng hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến và kế hoạch dự phòng để ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn có tác động tiêu cực đến khả năng hoạt động liên tục của PHS;
- Điều chỉnh các yếu tố có liên quan để khi rủi ro xảy ra sẽ ít có tác động đến các hoạt động kinh doanh, hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền;
- Xây dựng phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động phát hành chứng quyền và tạo lập thị trường cho các chứng quyền mà PHS đang phát hành;
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá lựa chọn chứng khoán cơ sở để thực hiện phát hành, các phương án phòng ngừa rủi ro, các loại tài sản được sử dụng để thực hiện việc phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền của PHS;

- Xây dựng các công cụ để thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do PHS phát hành;
- Kiểm tra rà soát đảm bảo khả năng thanh toán cho các chứng quyền khi đáo hạn;
- Lập kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Rủi ro một khi đã xảy ra thường không chỉ một lần, quá trình giám sát rủi ro cần được chú trọng, mỗi khi rủi ro được xác định, phân tích và kiểm soát thành công, cần phải được báo cáo và thông tin cho các thành viên khác nắm được và tránh tái mắc phải;
- Định kỳ Khối Quản Lý Rủi Ro và Khối Chứng Quyền Có Bảo Đảm thực hiện đánh giá hoạt động quản lý rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh trong hoạt động quản lý rủi ro, chính sách rủi ro, báo cáo Hội đồng Quản Lý Rủi Ro và Ban Tổng Giám Đốc theo quy định của Chính Sách Quản Lý Rủi Ro.

1.2 Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ

Kiểm soát giao dịch:

- Đối với giao dịch của khách hàng: lệnh chỉ vào hệ thống khi bên mua đủ tiền thanh toán và bên bán phải có chứng khoán sẵn sàng bán.
- Đối với giao dịch của tự doanh: bộ phận tự doanh được đầu tư theo hạn mức mà Ban Điều hành đã phê duyệt. Giao dịch của tự doanh hoàn toàn tách biệt với giao dịch của khách hàng.

Hạn mức ký quỹ: thực hiện theo Quyết định 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của UBCKNN về việc hướng dẫn cho vay giao dịch ký quỹ đối với công ty chứng khoán:

- Tổng hạn mức cho vay: không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu
- Hạn mức với 1 khách hàng: không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu.
- Hạn mức với 1 mã cổ phiếu: không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán và không vượt quá 5% tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của tổ chức niêm yết.

1.3 Tổ chức đánh giá tín dụng

Không có.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro

Mục đích phòng ngừa rủi ro: để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra.

Các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành nghiệp vụ phát hành chứng quyền phải được báo cáo cho Ban Tổng Giám Đốc hoặc Hội đồng Quản Lý Rủi Ro. Ban Tổng Giám Đốc sẽ đưa ra quyết định về việc xử lý rủi ro dựa trên báo cáo và/hoặc đề xuất của Khối Chứng Quyền Có Bảo Đảm, Khối Quản Lý Rủi Ro, Khối Kiểm Soát Nội Bộ và các Khối liên quan căn cứ vào mức độ rủi ro theo quy định trong Chính Sách Quản Lý Rủi Ro ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội Đồng Quản Trị PHS và các quy trình liên quan.

Nhân sự trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

STT	Họ tên	Phòng ban	Chứng chỉ hành nghề	Số năm kinh nghiệm
1	Bà Nguyễn Thị Thu Anh	Quản lý rủi ro	Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán số 006507/MGCK cấp ngày 22/05/2020; Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính số 003099/PTTC cấp ngày 23/10/2025.	8 năm

Khối Chứng Quyền Có Bảo Đảm và Khối Quản Lý Rủi Ro có trách nhiệm:

- Theo dõi số dư và biến động hàng ngày của danh mục chứng quyền và danh mục tài sản dùng để phòng ngừa rủi ro (bao gồm chứng khoán cơ sở và các loại chứng khoán khác có cùng tài sản cơ sở như chứng quyền, hợp đồng tương lai, v.v. nếu có).
- Thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở/các loại chứng khoán khác để phòng ngừa rủi ro cho số lượng chứng quyền đang lưu hành theo quy định, đáp ứng các điều kiện về hạn mức rủi ro tối đa đã được ban điều hành/ban quản lý của PHS đã thiết lập.
- Nhận diện những rủi ro sẽ xảy ra, đo lường và đưa hạn mức rủi ro phù hợp trong giao dịch chứng quyền; thiết lập các mô hình phân tích rủi ro cho toàn danh mục chứng quyền đang lưu hành và tài sản dùng phòng ngừa rủi ro (Ví dụ: Lập mô hình đánh giá rủi ro Value-at-Risk và phân tích độ nhạy theo thay đổi giá tài sản cơ sở, độ biến động giá, v.v.), theo dõi và đánh giá rủi ro khi có các thay đổi lớn trong các tham số đầu vào gây ảnh hưởng lớn đến giá trị danh mục.
- Báo cáo vị thế danh mục cuối ngày và các hoạt động phòng ngừa rủi ro đã thực hiện cho Ban Tổng giám đốc/ Trưởng phòng cao cấp khối sản phẩm đầu tư chứng quyền và các Khối có liên quan khi có yêu cầu. Khối Chứng Quyền Có Bảo Đảm sẽ lập báo cáo nghĩa vụ tạo lập thị trường; báo cáo phòng ngừa rủi ro; báo cáo thời gian đáo hạn của chứng quyền, v.v.
- Xây dựng quy trình kiểm soát, phân tán rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng quyền; rà soát hiệu quả quy trình quản trị rủi ro định kỳ.
- Đảm bảo đủ số lượng chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đang lưu hành theo phương án phòng ngừa rủi ro.
- PHS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, PHS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của PHS là trung hòa delta khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

a. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm.
- Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm (nếu có).

b. Vị thế phòng ngừa rủi ro

❖ Mô hình định giá

- PHS tính toán giá chứng quyền có bảo đảm và hệ số rủi ro bằng cách sử dụng mô hình định giá quyền chọn Black-Scholes, được sử dụng rộng rãi trên toàn cầu. Công thức được hiển thị dưới đây:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$
$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

- C: Giá lý thuyết của quyền chọn mua;
- S: Giá chứng khoán cơ sở;
- X: Giá thực hiện của chứng quyền;
- T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365;
- r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);
- k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền;
- σ : Độ biến động kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (PHS sử dụng độ biến động giá của chứng khoán cơ sở trong quá khứ để dự báo mức biến động của chứng khoán cơ sở trong tương lai);
- $N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy.

❖ Chiến lược phòng ngừa rủi ro trung hòa delta

- PHS sẽ áp dụng chiến lược trung lập delta bằng cách nắm giữ tài sản phòng ngừa rủi ro. Hệ số delta thể hiện rủi ro của những thay đổi giá cơ bản. Chúng ta có thể rút ra hệ số delta từ mô hình Black-Scholes để phòng ngừa rủi ro về giá:

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

- $Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua;
- $N(d_1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black-Scholes.
- Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (P) là số lượng tài sản cơ sở dự kiến được nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đang lưu hành và được tính như sau:

$$P = Delta \times OI / k$$

Trong đó:

- P: Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền;
 - Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes;
 - OI: Trong công thức xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết, OI được tính bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành cộng với số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành nhưng chưa được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản của nhà đầu tư trừ đi chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành;
 - k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.
- Theo Khoản 5, Điều 10 Thông tư 122/2025/TT-BTC, PHS phải duy trì vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế đáp ứng mức chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt quá 20% và không vượt quá 20% trong 3 ngày giao dịch liên tiếp.

$$\Delta p_T\% = (P_T - p_T) / P_T \times 100\%$$

Trong đó:

- $\Delta p_T\%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T;
 - P_T : Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền;
 - p_T : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.
- Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế (p) là vị thế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số lượng chứng khoán quy đổi trong trường hợp tổ chức phát hành sử dụng chứng khoán phòng ngừa rủi ro là chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền. Chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền bao gồm chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh và chứng khoán chờ về tài khoản tự doanh.
- c. Phương án xử lý khi xảy ra trường hợp hết tỷ lệ sở hữu dành cho nhà đầu tư nước ngoài đối với chứng khoán cơ sở cần phòng ngừa rủi ro:**
- PHS sẽ sử dụng một hoặc nhiều các phương án sau đây để đáp ứng nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền khi xảy ra trường hợp chứng khoán cơ sở hết tỷ lệ sở hữu dành cho nhà đầu tư nước ngoài.
 - PHS phải duy trì Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế đối với chứng quyền sao cho đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt quá 20%.

Phương án 1: Sử dụng chứng quyền do các công ty khác phát hành

- PHS sẽ sử dụng chứng quyền do các công ty khác phát hành để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua và áp dụng nguyên tắc trung hòa Delta. Công thức chuyển đổi như sau:

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế

$$= \text{Số lượng chứng khoán cơ sở thực tế} + \sum_i^N \frac{\text{Delta}(X_i, S, T_i, r, \sigma)}{k_i} \times OI_i$$

Trong đó:

- Số lượng chứng khoán cơ sở thực tế là số lượng cổ phiếu thực tế nắm giữ cho mục đích phòng ngừa rủi ro trên tài khoản tự doanh của PHS;
- X_i : Giá thực hiện của chứng quyền mua i ;
- S : Giá chứng khoán cơ sở;
- T_i : Thời gian còn lại của chứng quyền i cho đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365;
- r : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);
- σ : Độ biến động bình quân của chứng quyền phát hành bởi các công ty chứng khoán khác;
- k_i : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền i phát hành bởi các công ty chứng khoán khác;
- OI_i : Số lượng chứng quyền i phát hành bởi các công ty chứng khoán khác được nắm giữ bởi PHS.

Phương án 2: Mua lại chứng quyền đang lưu hành

- Bên cạnh việc thực hiện phương án trên để đảm bảo đáp ứng nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro, PHS sẽ thực hiện việc mua lại chứng quyền đang lưu hành để giảm nghĩa vụ nợ với nhà đầu tư và tương ứng làm giảm nghĩa vụ mua chứng khoán cơ sở để đạt trung hòa Delta.
- Ngoài ra, PHS sẽ gửi công văn giải trình đến các cơ quan quản lý (UBCKNN, HOSE) với trường hợp hết tỷ lệ sở hữu nước ngoài gây ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro.

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành

PHS đã phát hành chứng quyền có bảo đảm với các đợt như sau:

- Đợt 1: Phát hành 1 chứng quyền trên chứng khoán cơ sở là HPG trong tháng 1/2023 với tổng khối lượng chào bán là 3.000.000 chứng quyền.
- Đợt 2: Phát hành 2 chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở là HPG và STB trong tháng 5/2023 với tổng khối lượng chào bán là 6.000.000 chứng quyền.
- Đợt 3: Phát hành 19 chứng quyền trên 9 chứng khoán cơ sở là MWG, VHM, VNM, TPB, HPG, FPT, VPB, STB và VRE trong tháng 8/2025 với tổng khối lượng chào bán là 76.000.000 chứng quyền.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng lưu ký



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 77/UBCK-GCN do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 24/09/2010. Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán số: 127/GCNTVLK-3 do Trung tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp lần đầu ngày 28/12/2010, cấp thay đổi lần thứ ba ngày 16/12/2021.
Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 3934 9590 Fax: 024 3825 7308 Website: www.vietinbank.vn

2. Tổ chức kiểm toán



CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46 toà tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3821 9266 Fax: +84 28 3821 9267
Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Chúng tôi cam kết không phải là người có liên quan với tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và ngân hàng lưu ký.

XI. CAM KẾT

PHS cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NGÂN HÀNG LƯU KÝ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (NẾU CÓ)

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016;
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng số 04/94_0425/NQ-HĐQT ngày 22/04/2025;
3. Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 09 năm 2026

NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Anh Dũng

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai



CHEN CHIA KEN